

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2020 - 2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	6	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	6	1.1 m2
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	2	01 điểm đang sử dụng chung với trường MN9 và 02 điểm đang sử dụng chung với trường MN 14 trong khi chờ xây mới trường
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	Đang sử dụng chung với trường MN9 và MN 14 trong khi chờ xây mới trường	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	148 m2	0.8 m2
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	250 m2	1.3 m2
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	58 m2	0.3 m2
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	148 m2	0.8 m2
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	0	0
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	0	0

7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	Đang sử dụng chung với trường MN 14 trong khi chờ xây mới trường				
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4480 bộ	Số bộ/nhóm (lớp)			
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	4480 bộ	746 bộ			
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0			
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	145 bộ	24 bộ/sân chơi (trường)			
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	27	3 bộ/1 lớp			
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	Bảng tương tác	1	Thiết bị dùng chung			
2	Ti vi	1				
3	Máy scan	1				
4	Máy ép nhựa	1				
5	Máy photo	1				
		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*					
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	2	7	7	58 m2	0.3 m2

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Quận 3, ngày 05 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Lê Thị Hạnh